

Bản án số 112/2019/HSST

Ngày 17/6/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH S LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Hoan và ông Lường Tiến Quynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lê Giang, là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh S La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hương Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh S La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cao Văn C**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1977 tại huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Văn Đ (Đã chết) và bà Hoàng Thị T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N; có 03 con; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/5/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt 7.000.000 đồng về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích).

- Tiền án: Ngày 25/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày 25/9/2017 về tội Đánh bạc. Bị can phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, chưa được xóa án tích.

Bị tam giam giữ từ ngày 16/03/2019 đến nay.

Người có QLNVLQ: Lường Thị Bích T, sinh năm: 1992.

Cư trú tại: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S, có mặt.

Người làm chứng: Phạm Thanh S, sinh năm 1971.

Cư trú tại: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S, vắng mặt.

Nguyễn Thị N, sinh năm 1972.

Cư trú tại: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh S, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình sinh sống tại tiểu khu, Cao Văn C đã có hành vi đánh bạc trái phép với hình thức bán số đề gây mất trật tự tại địa phương, nên nhân dân đã có đơn phản ánh đến Cơ quan Công an huyện Mộc Châu.

Vào hồi 17 giờ 55 phút ngày 15/3/2019, tổ công tác Công an huyện Mộc Châu đến nhà Cao Văn C kiểm tra hành chính. Khi Tổ công tác đến làm việc C đang ở trong buồng ngủ của vợ chồng C và đóng kín cửa. Tổ công tác yêu cầu C khai báo và cung cấp các đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi đánh bạc trái phép. Cao Văn C không khai báo hành vi đánh bạc trái phép và chỉ cung cấp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO – F1S, vỏ màu vàng bên trong lắp 02 sim điện thoại số: 0968.198.589 và 0766.22.77.99. Vợ C là chị Nguyễn Thị N đã tự giác lấy 01 chiếc điện thoại Nokia 150 bên trong lắp 0702.087.206 để trong tủ quần áo, tại phòng ngủ của vợ chồng Cao Văn C ra giao nộp và khai chiếc điện thoại do khách đến nhà nghỉ của vợ chồng chị ngủ để quên.

Quá trình điều tra xác định hành vi bán số đề của Cao Văn C với Lương Thị Bích T như sau, sau khi thỏa thuận mua bán ô số đề trái phép với Lương Thị Bích T thông qua phương thức T muốn mua ô số đề nào thì nhắn tin đến số điện thoại di động 0702.087.206 của C, C sẽ nhắn tin lại là “A” hoặc “N” để xác nhận là đồng ý.

Thực hiện thỏa thuận hồi 17 giờ 15 phút ngày 15/3/2019, T sử dụng điện thoại di động Nokia 105 của T bên trong lắp sim số 0866.966.626 nhắn tin đến số điện thoại 0702.087.206 của C với nội dung “*Dau 1=800k, 12, 13=200k/so*” tức là T mua các số đề có đầu 1 từ số 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 mỗi số là 80.000 đồng và số 12 và 13 mỗi số là 200.000 đồng, tổng cộng số tiền T mua ô số đề của C là 1.200.000 đồng.

Sau khi nhận được tin nhắn của T, hồi 17 giờ 16 phút ngày 15/3/2019 C sử dụng chiếc điện thoại di động Nokia 150 bên trong lắp sim 0702.087.206 của C, nhắn tin lại xác nhận đồng ý với T là “N”.

Hồi 17 giờ 18 phút ngày 15/3/2019, C sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO –F1S, vỏ màu vàng bên trong lắp 02 sim điện thoại số: 0968.198.589 và 0766.22.77.99 chụp ảnh màn hình chiếc điện thoại Nokia 150 với nội dung tin nhắn T mua ô số lô đề làm căn cứ trả thưởng. Rồi C xóa toàn bộ tin nhắn trong máy điện thoại Nokia 150 lắp sim 0702.087.206 của C nhằm tránh sự kiểm tra, phát hiện xử lý. Sau khi mua ô số đề với C, T đi đến nhà gặp và trả số tiền 1.200.000 đồng cho C.

Đến 17 giờ 51 phút T tiếp tục sử dụng điện thoại số 0866.966.626 của T nhắn tin đến số điện thoại 0702.087.206 của C với nội dung “*A trung danh them*

cho e con 21, 31 = 200k/so” tức là T mua thêm 02 số đề 21 và 31 mỗi số là 200.000 đồng, tổng là 400.000 đồng. Do lúc đó Công an huyện Mộc Châu đang tiến hành kiểm tra nên C không sử dụng số 0702.087.206 xác nhận được, nên T tiếp tục sử dụng điện thoại số 08.9666.626 nhắn tin đến số điện thoại 0766.22.77.99 của C với nội dung “So 206 vua nt em gọi ko dc”. Vì lúc này Cao Văn C đang bị tổ công tác Công an huyện Mộc Châu làm việc nên C không trả lời cho T được.

Hình thức đánh bạc dưới hình thức mua bán ô số đề như sau:

Ô số đề là các ô số tự nhiên gồm 02 chữ số từ ô số 00; 01; 02 ... đến 99. Người chơi bỏ ra một số tiền bất kỳ để mua một ô số đề bất kỳ nào. Sau khi có kết quả quay thưởng của Công ty xổ số kiến thiết Miền Bắc vào 18 giờ 30 phút hàng ngày, nếu người mua ô số đề trùng với hai số cuối cùng của giải đặc biệt thì người chơi sẽ nhận được số tiền thắng cược với tỷ lệ 1 năm 70 tức là đánh 1.000 đồng nếu chúng thưởng sẽ được 70.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộc Châu đã tạm giữ của Cao Văn C: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO –F1S, vỏ màu vàng bên trong lắp 02 sim điện thoại số: 0968.198.589 và 0766.22.77.99; Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động Nokia 150, vỏ màu đen, bên trong lắp sim điện thoại 0702.087.206 do vợ C là chị Nguyễn Thị N giao nộp; Tạm giữ của chị Lương Thị Bích T: 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, bên trong lắp sim số 0866.966.626; Sao lưu dữ liệu Camera tại gia đình Cao Văn C vào 01 đĩa DVD để phục vụ cho quá trình điều tra, giải quyết vụ án. Hiện đang tạm giữ chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng C có được do Đánh bạc trái phép với Lương Thị Bích T. C không giao nộp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu không thu giữ được.

Quá trình điều tra Lương Thị Bích T còn khai nhận ngày 14/3/2019, T còn mua bán ô số đề của Cao Văn C với tổng số tiền là 600.000 đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh để buộc Cao Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần đánh bạc này.

Quá trình điều tra, truy tố Cao Văn C không thừa nhận hành vi đánh bạc trái phép với Lương Thị Bích T như nêu trên và không nhận chiếc điện thoại Nokia 150 bên trong lắp 0702.087.206 là của C. Nhưng với những chứng cứ đã thu thập được Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Cao Văn C về hành vi đánh bạc với Lương Thị Bích T.

Bản cáo trạng số 104/CT-VKSMC ngày 29/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố bị can Cao Văn C về tội: Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cao Văn C về tội: Đánh bạc, áp dụng các căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo như sau.

1. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 5 Điều 65; khoản 2, 3 Điều 35; khoản 1 Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn C từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án số 209 ngày 25/9/2017, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam của bản án 209, buộc bị cáo phải thi hành hình phạt tù còn lại cộng với bản án này thành hình phạt C.

Phạt bổ sung (Phạt tiền) với bị cáo từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu thoại Nokia 150; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO – F1S, vỏ màu vàng tịch thu tiêu hủy 03 chiếc sim trong hai chiếc điện thoại của Cao Văn C 0702.087.206, 0968.198.589, 0766.22.77.99.

Tuyên trả cho chị Lương Thị Bích T 01 chiếc điện thoại Nokia 105, tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại của Lương Thị Bích T số sim 0866.966.626 .

Đề nghị truy thu của bị cáo số tiền 1.200.000đ để nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa giữ nguyên ý kiến trình bày như trong quá trình khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu.

Bị cáo không nhất trí với cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không thực hiện hành vi bán ô số đề cho T theo cáo buộc của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù và, giảm hoặc miễn hình phạt tiền cho bị cáo vì hiện nay bị cáo nợ nần quá nhiều.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu, tỉnh S La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh S La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên toà, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì. Bị cáo khẳng định bị cáo không được đánh bạc trái phép với hình thức bán số đề cho Lương Thị Bích T.

Phân tích, đánh giá chứng cứ

Căn cứ biên bản sự việc lập hồi 18 giờ 30 phút ngày 15/3/2019 tại nhà Cao Văn C (SN: 1977) trú tại: Tiểu khu Chờ Lồng, TTNT Mộc Châu huyện Mộc Châu với nội dung:

Ngày 15/3/2019 Tổ công tác nhận được tin báo của quần chúng nhân dân nên đến nhà Cao Văn C tại Tiểu khu Chờ Lồng, TTNT Mộc Châu kiểm tra hành chính về hành vi đánh bạc. C từ trong phòng ngủ tầng 1 ra và giao nộp 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO-F1S vỏ màu vàng bên trong lắp 02 sim số 0968.198.589 và 0766.22.77.99 ra giao nộp, khai đó là điện thoại của C.

Tổ công tác còn phát hiện, thu giữ 01 chiếc ĐTDĐ Nokia 150, vỏ màu đen, bên trong lắp sim số 0702.087.206 tại tủ quần áo trong phòng ngủ của gia đình Cao Văn C. Chị Nguyễn Thị N (vợ C) lấy chiếc điện thoại nêu trên ra giao nộp cho Tổ công tác.

Tổ công tác kiểm tra nhanh 02 điện thoại thấy trong điện thoại Nokia 150 lắp sim 0702.087.206 mục tin nhắn có:

Tin đã gửi đến số Lju (0866.966.626) nội dung “*A nơ 13.900n*” và

Tin nhắn đến tên S (0977.588.373) với nội dung: “*Tông ông nơ 32tr 178N*”

01 tin nhắn đến số Lju (0866.966.626) nội dung “N”

Kiểm tra mục tin nhắn của điện thoại OPPO – F1S của C thì có 02 tin nhắn đến từ số Liu Thao (Số 0866.966.626) nội dung: “*A trung danh them cho em con 21, 31=200k/so*” và “*So 206 vua nt em gọi ko dc*” tin lúc 17h54 ngày 15/3/2019

Tổ công tác lập biên bản sự việc, thu giữ, niêm phong 02 chiếc điện thoại nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ biên bản kiểm tra điện thoại hồi 18 giờ 45 phút ngày 16/3/2019 đối với chiếc điện thoại OPPO – F1S của Cao Văn C:

C khai chiếc điện thoại này là của C và trong khoảng thời gian từ 16 giờ ngày 15/3/2019 đến khi Tổ công tác đến làm việc (17 giờ 50 phút) chỉ có C là người quản lý, sử dụng chiếc máy điện thoại trên, trong điện thoại có các nội dung sau:

Trong thư mục ảnh: Có 01 bức ảnh chụp màn hình của chiếc điện thoại di động màu đen với nội dung: Người gửi đến lưu tên: Lju; nội dung tin nhắn: “*Dau 1=800k, 12, 13=200k/so*” bức ảnh được chụp lúc 17h18 phút ngày 15/3/2019.

Trong mục tin nhắn đến: Có 02 tin nhắn từ số Liu Thao (Số 0866.966.626) nội dung: “*A trung danh them cho em con 21, 31=200k/so*” và “*So 206 vua nt em gọi ko dc*” tin lúc 17h54 ngày 15/3/2019.

Trong danh bạ điện thoại của máy có lưu 04 số điện thoại trùng khớp với 04 số điện thoại lưu tại máy Nokia lắp sim số 0702.087.206 cụ thể: A Lập 29: 0968.235.999; Liu Thao: 0866.966.926; S Hương: 0977.588.373; Thanh Tường Xuân Mai: 0983.698.723.

Căn cứ biên bản kiểm tra điện thoại hồi 18 giờ 45 phút ngày 16/3/2019 đối với chiếc điện thoại Nokia 150, màu đen bên trong lắp sim số 0702.087.206 có các nội dung:

Tại mục tin nhắn đến có:

Tin đã gửi đến số Lju (0866.966.626) nội dung “A nơ 13.900n” và

Tin nhắn đến tên S (0977.588.373) với nội dung: “Tông ông nơ 32tr 178N”

Tại mục tin nhắn gửi đi đến số Lju (0866.966.626) nội dung “N”

Tại danh bạ của máy chỉ lưu duy nhất 04 số điện thoại và trùng với 04 số trong máy OPPO của Cao Văn C cụ thể: A Lập: 0968.235.999; Lju: 0866.966.926; S: 0977.588.373; Thanh Thương: 0983.698.723.

Căn cứ lời khai của Lường Thị Bích T: Khai nhận rõ số điện thoại 0702.087.206 là của Cao Văn C và vào ngày 15/3/2019 C đã bán ô số đề cho T với tổng số tiền 1.200.000 đồng cụ thể như sau:

Do có nhu cầu mua ô số đề nên T sử dụng số điện thoại 0866.966.626 gọi điện thoại đến số là 0766.22.77.99 hỏi về việc C có ghi ô số đề không, C đồng ý và bảo T nhắn tin số đề muốn mua vào số máy của C là: 0702.087.206. T đồng ý và bảo sau khi nhắn tin xong, T sẽ đến nhà C trả tiền. C đồng ý.

Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 15/3/2019, T lại sử dụng điện thoại số 0866.966.626 nhắn tin đến số 0702.087.206 của C với nội dung: “*Dau 1=800k, 12, 13=200k/so*” tức là T mua các số đề 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 mỗi số là 80.000 đồng và số 12 và 13 mỗi số là 200.000 đồng, tổng cộng số tiền T mua ô số đề của C là 1.200.000 đồng. Sau đó C nhắn tin lại ký hiệu “N” T hiểu là đồng ý. Tiếp đó T đi xe máy đến nhà C trả C số tiền 1.200.000 đồng, sau đó T đi về.

Đến 17 giờ 51 phút T tiếp tục sử dụng điện thoại số 0866.966.626 nhắn tin đến số điện thoại 0702.087.206 của C với nội dung “*A trung danh them cho e con 21, 31 = 200k/so*” tức là T mua thêm 02 số đề 21 và 31 mỗi số là 200.000 đồng, tổng là 400.000 đồng. Do không thấy C sử dụng số 0702.087.206 để xác nhận nên hồi 17 giờ 54 phút cùng ngày, T tiếp tục sử dụng điện thoại số 08.66966.626 nhắn tin đến số điện thoại 0766.22.77.99 của C với nội dung “*A trung danh them cho em con 21, 31=200k/so*” và “*So 206 vua nt em gọi ko dc*”.

Căn cứ Biên bản kiểm tra điện thoại của Lương Thị Bích T vào hồi 21 giờ 40 phút ngày 15/3/2019: Trong mục danh bạ điện thoại đều lưu số điện thoại di động 0702.087.206 và số 0766.22.77.99 tên là Trung N và Trung N 1. Đồng thời trong mục tin nhắn đi và tin nhắn đến có các tin nhắn với nội dung như nêu trên: “Dau 1=800k, 12, 13=200k/so”; A trung danh them cho e con 21, 31 = 200k/so”; “A trung danh them cho em con 21, 31=200k/so” và “So 206 vua nt em gọi ko dc”.

Căn cứ lời khai của anh Phạm Thanh S (Anh S là bạn của Cao Văn C; Anh S và C đều khẳng định không có mâu thuẫn gì với nhau): Khẳng định số điện thoại di động 0702.087.206 là của Cao Văn C. Anh S lưu số điện thoại này vào đầu năm 2019. Anh S và Cao Văn C thì thoả có liên hệ với nhau bằng số điện thoại này.

Căn cứ biên bản kiểm tra điện thoại của anh Phạm Thanh S vào hồi 09 giờ 00 ngày 16/3/2019: Tại mục danh bạ điện thoại có lưu số điện thoại của Cao Văn C gồm 05 số cụ thể: Trung Cho Long: 0702.087.206; Trung Còi 03 số là: 072.66.22.77.99 + 0982.766.424 + 0968.198.589; Trung Lan: 0779.253.408.

Căn cứ lời khai của phạm nhân Hoàng Văn Ú khai: Hoàng Văn Ú là người giam C buồng với Cao Văn C từ giữa tháng 3 năm 2019. Quá trình giam giữ Ú được được C tâm sự với nội dung: Giữa tháng 3/2019 C đang trong phòng ngủ của gia đình, quan sát qua Camera thấy bên ngoài có 02 ô tô đi vào trong sân nhà C. C nghi ngờ là Công an nên C ở trong phòng ngủ xóa các tin nhắn lô đề trong máy Nokia đen trắng của C. Trước khi xóa C đã dùng máy điện thoại di động OPPO của C chụp lại tin nhắn có số đề ở máy đen trắng, nhưng C chưa kịp xóa đi nên bị phát hiện bắt giữ.

Căn cứ lời khai của Cao Văn C khẳng định: Chiều ngày 14/3/2019 thì chị Lưu Thị Bích T đến nhà C mua 600.000 đồng tiền mỳ tôm, trứng, sữa và chiều ngày 15/3/2019 chị T đến nhà C để trả tiền mua đồ nêu trên. Tuy nhiên căn cứ vào Video trích xuất từ Camera của gia đình Cao Văn C khẳng định ngày 14/3/2019 và ngày 15/3/2019 chị T đến nhà C trả tiền không có việc mua hàng như lời khai của C.

Căn cứ lời khai của chị Nguyễn Thị N (Vợ C) khẳng định: Chiều ngày 15/3/2019 chị N không sử dụng máy điện thoại OPPO của C. Chiếc điện thoại Nokia bên trong lắp sim số 0702.087.206 chị N không sử dụng, Chị N không biết C có lấy ra sử dụng không.

Như vậy việc bị cáo không thừa nhận bị cáo có được đánh bạc với chị T bằng hình thức bán số đề, những tài liệu, chứng cứ phân tích, đánh giá nêu trên có đủ căn cứ khẳng định ngày 15/3/2019, bị cáo Cao Văn C đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán ô số đề với Lương Thị Bích T với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 1.200.000 đồng, mục đích để kiếm lời.

Do bản thân Cao Văn C đã có 02 tiền án về tội Đánh bạc, trong đó 01 tiền án chưa được xóa án tích. Do vậy hành vi của Cao Văn C đã cấu thành tội Đánh

bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS có khung hình phạt từ 06 tháng đến 3 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng bị cáo đã có sự chuẩn bị rất kỹ đó là không thông qua sổ sách mà sau khi các đối tượng đến mua số đề với bị cáo, bị cáo dùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 có số sim 0702.087.206 để giao dịch, sau đó bị cáo dùng chiếc điện thoại OPPO F1S chụp màn hình lưu lại để làm căn cứ trả thưởng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần quyết định hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa C.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo không thành khẩn nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung. Do bị cáo phạm tội là vụ lợi, nên cần phạt bị cáo một khoản tiền nhất định, tuy nhiên cũng cần xem xét đến khả năng thi hành của bị cáo.

Do bị cáo phạm tội trong thời gian đang phải chấp hành thời gian thử thách tại bản án số 209 ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đã xử phạt bị cáo 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày 25/9/2017. Như vậy bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2017 đến ngày 25/9/2017 (được kiểm tra chi tiết theo lịch) tổng thời gian bị cáo bị tạm giam, giữ là 72 ngày, bị cáo được khấu trừ vào thời gian đã chấp hành của bản án trước đã phạt bị cáo 12 tháng tù, như vậy bị phải thi hành tiếp là 09 tháng 18 ngày tù cộng với bản án này thành hình phạt C.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số vật chứng thu giữ của bị cáo C gồm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 150; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO –F1S, vỏ màu vàng đã được niêm phong, xác định là công cụ bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 03 sim điện thoại trong các điện thoại cần tịch thu tiêu hủy.

Tuyên trả lại cho Lương Thị Bích T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 đã được niêm phong.

Đối với số tiền 1.200.000đ giữa bị cáo và Lương Thị Bích T đánh bạc với nhau, do bị cáo không giao nộp nên cần truy thu để nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Đối với Lương Thị Bích T là người có hành vi đánh bạc trái phép với Cao Văn C với tổng số tiền đánh bạc là 1.200.000 đồng. Quá trình điều tra xác định T chưa có tiền án, tiền sự. Do vậy, hành vi của T chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Ngày 04/05/2019,

Công an huyện Mộc Châu đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng pháp luật.

[6] Thời hạn tạm giam của bị cáo còn dưới 45 ngày, nên Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Cao Văn C phạm tội: Đánh bạc.

1. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; khoản 2, 3 Điều 35 khoản 5 Điều 65; khoản 1 Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn C 12 (Mười hai) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án số 209 ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đã xử phạt bị cáo 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày 25/9/2017. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam của bản án số 209 là 72 ngày, bị cáo phải thi hành tiếp của bản án số 209 ngày 25/9/2017 là 09 tháng 18 ngày tù cộng với bản án này thành hình phạt C là 21 (Hai một tháng) tháng, 18 (mười tám) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày 16/03/2019.

Phạt bổ sung (Phạt tiền) với bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu) đồng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu thoại Nokia 150; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO –F1S, vỏ màu vàng tịch thu tiêu hủy 03 chiếc sim trong hai chiếc điện thoại đã được niêm phong.

Tuyên trả lại cho Lường Thị Bích T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 đã được niêm phong.

Truy thu của bị cáo số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh S La;
- VKSND tỉnh S La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh S La;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Đỗ Như Khánh**

